

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG MẦM NON NHI ĐỨC

Số: 54/QĐ-MNND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiến An, ngày 29 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi năm học 2023 - 2024 của trường mầm non Nhi Đức

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Công văn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Theo đề nghị của kế toán trường Mầm non Nhi Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu -chi năm học 2023 - 2024 của trường Mầm non Nhi Đức (chi tiết theo phụ lục đính kèm) .

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Nhi Đức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Doan

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số ...54.../QĐ – MNND ngày 24/...9.../2023. của trường Mầm non Nhi Đức

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có) Thực hiện NQ 54	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
1.2	Mức thu: 0	
1.3	Tổng số thu trong năm	1.012.500.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.012.500.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	1.012.500.000
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	1.012.500.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	0
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	
	(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Học thêm ngày thứ 7	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu: 200.000 đồng/tháng/ trẻ	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	306.000.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	306.000.000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	306.000.000
2.1.6	Số chi trong năm	306.000.000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học, nhân viên nấu ăn	217.872.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	6.120.000
	- Chi công tác quản, chỉ đạo	54.468.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	27.540.000
2.1.7	Số dư cuối năm	0
4.1.	Thu hỗ trợ nấu ăn, chăm ăn, trông trưa	0
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.1.2	Mức thu: 150.000 đồng/ tháng/trẻ	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	506.250.000

4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	506.250.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	506.250.000
4.1.6	Số chi trong năm	506.250.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	396.900.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	10.125.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	99.225.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	0
4.1.7	Số dư cuối năm	0
4.2.	Thu quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	0
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.2.2	Mức thu: 8.000 đồng/ 1 giờ/trẻ (2 giờ/ 1 ngày)	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	1.008.000.000
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.008.000.000
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	1.008.000.000
4.2.6	Số chi trong năm	1.008.000.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	790.272.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	20.160.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	197.568.000
4.2.7	Số dư cuối năm	0
4.3.	Thu mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú	0
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.3.2	Mức thu: 360.000/trẻ/năm (HS mới); 200.000đ/trẻ/năm (HS cũ)	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	94.520.000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	94.520.000
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	94.520.000
4.3.6	Số chi trong năm	94.520.000
	Trong đó: - Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú (giường, chiếu, chăn, gối, ca, bát, thìa... và các vật dụng khác)	94.520.000
4.3.7	Số dư cuối năm	0
5	Liên kết giáo dục: Cho trẻ làm quen tiếng anh Enspire	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.3.2	Mức thu: 240.000/trẻ/tháng	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	216.000.000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	216.000.000
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	216.000.000
4.3.6	Số chi trong năm	216.000.000
	Trong đó: - Trả cho trung tâm	151.200.000

	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1.296.000
	- Chi giáo viên, nhân viên hỗ trợ lớp	15.120.000
	- Chi Hỗ trợ cơ sở vật chất	31.104.000
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	17.280.000
4.2.7	Số dư cuối năm	0
6	Tiền ăn, tiền chất đốt	1.822.500.000
6.1	Tiền ăn (trong đó có 2.000đ/ ngày chất đốt	
6.1.1	Số dư đầu năm	0
6.1.2	Số học sinh: 375	
6.1.3	Mức thu tiền ăn: 27.000 đồng/ trẻ/ ngày	
6.1.4	Tổng thu	1.822.500.000
6.1.5	Tổng chi	1.822.500.000
6.1.6	Số dư cuối năm	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.348.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	2.893.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	440.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	15.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

KẾ TOÁN



Hà My Thanh Thảo

Kiến An, ngày tháng năm 2023



Nguyễn Thị Doan